TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN DŨNG** TỈNH BẮC GIANG Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST Ngày 20/4/2018. V/v: Hôn nhân gia đình.	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Tân Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Phú và ông Đào Xuân Thịnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Dũng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Sơn- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Dũng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018 về việc Hôn nhân và gia đình; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXX- ST ngày 21 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1996; *(có mặt)*

STQ: Thôn H, xã Y, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang;

Nơi ĐKHK: Thôn Đ, xã L, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1995; *(vắng mặt)*

STQ: Thôn Đ, xã L, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn M kết hôn tháng 4 năm 2012, trước khi cưới chị và anh M có được tự nguyện tìm hiểu và tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không đi đăng ký kết hôn vì thời điểm đó chị chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Sau khi cưới chị về nhà anh M làm dâu ngay, tuy nhiên ngày 21/6/2017 chị và anh M đã đến trụ sở UBND xã L, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang làm thủ tục đăng ký kết hôn, Vợ chồng có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có với nhau một con chung.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng tháng 3 năm 2013. Nguyên nhân là do trong cuộc sống không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm trầm trọng. Anh M đã bỏ đi làm ăn không liên lạc gì với chị, do chị chán nản nên cũng bỏ về

gia đình đẻ ở từ đó, cho đến ngày 11/6/2017 về chồng về sống đoàn tụ và đến ngày 21/6/2017 vợ chồng đến UBND xã L, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng về sống với nhau được khoảng 1 tháng thì lại xảy ra mâu thuẫn, song do không hàn gắn được nên chị đã bỏ về gia đình đẻ từ ngày 18/7/2017 giữa chị và anh M không còn liên lạc gì với nhau, cắt đứt mọi quan hệ vợ chồng, vợ chồng chính thức ly thân từ đó cho đến nay, kể từ khi ly thân. Giữa chị, anh M và gia đình hai bên cũng không có hàn gắn, hòa giải để anh, chị về đoàn tụ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, việc quay về chung sống đoàn tụ là không thể. Do vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

Về con chung: Chị xác định có một con chung là Nguyễn Minh P, sinh ngày 16/9/2013, do thời điểm đi làm giấy khai sinh cho con cũng như thời điểm này chị chưa đủ tuổi để đăng ký kết hôn nên trong giấy khai sinh chỉ có tên mẹ chứ không có tên bố là anh M. Kể từ khi ly thân con sống cùng anh M, nay ly hôn chị đồng ý để anh M nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho anh M là 1.000.000đ/ tháng.

Về tài sản, vay nợ, ruộng định xuất: Do không có gì vướng mắc nên chị không đặt thành yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không có yêu cầu đề nghị nào khác.

Tại biên bản lấy lời khai và lời khai tiếp theo bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn ngày 30 tháng 4 năm 2012, trước khi cưới anh, chị có được tự nguyện tìm hiểu và tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không đi đăng ký kết hôn vì thời điểm cưới chị N chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, nhưng đến tháng 6/2017 anh, chị đã đến trụ sở UBND xã L, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi cưới chị về nhà anh M làm dâu ngay, vợ chồng có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có với nhau một con chung.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng tháng 3 năm 2013. Nguyên nhân là do trong cuộc sống không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm nên đã xảy ra cãi nhau, vì vậy anh đã bỏ đi làm ăn ở xa, thời gian đầu khi bỏ đi anh không liên lạc gì vớichị N, cho đến tháng 6/2017 anh, chị đã hàn gắn về sống đoàn tụ và đến ngày 21/6/2017 vợ chồng đến UBND xã L, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng về sống với nhau được khoảng 1 tháng thì lại xảy ra mâu thuẫn và không thể hàn gắn được nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, việc quay về chung sống đoàn tụ là không thể. Do vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

Về con chung: Anh xác nhận có một con chung là Nguyễn Minh P, sinh ngày 16/9/2013, do thời điểm đi khai sinh cho conchị N chưa đủ tuổi để đăng ký kết hôn nên trong giấy khai sinh chỉ có tên mẹ chứ không có tên bố là anh nhưng anh khẳng định cháu Phương là con đẻ của anh. Kể từ khi ly thân con sống cùng

anh, nay ly hôn anh đề nghị được nuôi con và không yêu cầuchị N đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, vay nợ, ruộng đinh xuất: Do không có gì vướng mắc nên anh không đặt thành yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh không có yêu cầu đề nghị nào khác.

Tại phiên Tòa chị Nguyễn Thị N giữ nguyên quan điểm như đã trình bày,về cấp dưỡng nuôi con trong quá trình giải quyết vụ án chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho anh M, nhưng do anh M không yêu cầu chị cấp dưỡng nên tại phiên tòa chị cũng không đặt thành yêu cầu giải quyết. Anh Nguyễn Văn M có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cũng như xét xử vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa nhận xét:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã chấp hành đúng quy định tại khoản 1 điều 28, 35, 96, 97, 98, 99, khoản 6 điều 48 và khoản 4 điều 203, Bộ luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án: Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, đảm bảo trình tự tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa HĐXX, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo nguyên tắc xét xử công khai, trực tiếp bằng lời nói theo điều 51 và Điều 225 và điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Đương sự thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71 và điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56 và Điều 58, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

Về con chung: Giao con Nguyễn Minh P, sinh ngày 16/9/2013 cho anh Nguyễn Văn M trực tiếp nuôi dưỡng.

Cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

Về tài sản, vay nợ, ruộng đất: Không giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Ngày 02/01/2018 Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng tiến hành thụ lý vụ án. Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Nguyễn Văn M.

Anh M không viết bản tự khai và đề nghị Tòa án lấy lời khai của anh, tuy nhiên ngày 07/02/2018 anh M đã có đơn đề nghị Tòa án xin được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và khi xét xử. Do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là đảm bảo theo trình tự thủ tục chung.

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn M kết hôn với nhau từ ngày 30/4/2012, khi cưới do chị N chưa đủ tuổi kết hôn nhưng đến ngày 21/6/2017 khi chị N đủ tuổi kết hôn nên anh, chị đến trụ sở UBND xã L, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang tiến hành đăng ký kết hôn. Như vậy hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn M là đảm bảo theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, do vậy là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh M đã ly thân nhau từ tháng 7 năm 2017 cho đến nay không còn quan hệ gì với nhau, bản thân chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh M, anh M cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn. Tòa án đã thông báo về phiên hòa giải nhưng anh M vắng mặt. Điều đó thể hiện cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 điều 53 Luật hôn nhân và gia đình cần giải quyết cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

Về con chung: Vợ chồng một con chung là Nguyễn Minh P, sinh ngày 16/9/2013, hiện nay con đang ở với anh M. Hội đồng xét xử nhận thấy, anh M có nguyện vọng được nuôi con, bản thân chị N đồng ý để anh M được tiếp tục nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định của con chung nên cần giao cho anh M tiếp tục trực tiếp nuôi hai con chung là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho anh M, nhưng do anh M không yêu cầu chị cấp dưỡng, do vậy tại phiên tòa chị cũng không đặt thành yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt thành yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ, ruộng đất: Các bên đương sự không có gì vướng mắc do vậy không đặt thành yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51, Khoản 1 Điều 53 và Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tụng dân sự; Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

- Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn M tiếp tục trực tiếp nuôi con là Nguyễn Minh P, sinh ngày 16/9/2013.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản, vay nợ, ruộng đất: Không giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại biên lai thu số: AA/2017/0001554 ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án./.

<u>Nơi nhận</u>:
- VKS ND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THA DS huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
-UBND xã L;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Tân Thịnh